TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 3 – 2019
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trí

Ông Phan Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Minh D, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 669, ấp BC, xã BTh, huyện TB, tỉnh ĐT.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Hồng T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 669, ấp BC, xã BTh, huyện TB, tỉnh ĐT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đỗ Minh D trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đỗ Minh D và chị Trần Thị Hồng T kết hôn năm 1993. Hôn nhân giữa anh D và chị T được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu nhau. Anh D và chị T không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh D và chị T chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không hòa hợp trong cuộc sống và thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân do chị T thường xuyên đánh bạc, không lo cho gia đình, anh D đã nhiều lần khuyên nhưng chị T không thay đổi. Anh D xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân

vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn.

Nay anh Đỗ Minh D yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Hồng T.

Về con chung: Con chung tên Đỗ Thị Huỳnh N, sinh năm 1995, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, anh D yêu cầu nuôi con chung tên Đỗ Minh Đ, sinh ngày 07/02/2003, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh D và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thị Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T thống nhất, chị T và anh D kết hôn năm 1993, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu và không có đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự thống nhất trong cách sinh hoạt hàng ngày, trong việc xây dựng nhà, trong cách sử dụng tài sản chung. Ngoài ra, chị T cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng cũng phát sinh do chị thường xuyên đánh bạc. Tuy nhiên, chị T xác định hiện nay chị còn thương chồng, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, để vợ chồng cùng chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Nay chị Trần Thị Hồng T không đồng ý ly hôn với anh Đỗ Minh D.

Về con chung: Con chung tên Đỗ Thị Huỳnh N, sinh năm 1995, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, chị T đồng ý giao con chung tên Đỗ Minh Đ, sinh ngày 07/02/2003 cho anh D nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh D và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của anh Đỗ Minh D (Bản sao chứng thực).

- Giấy khai sinh của Đỗ Thị Huỳnh N và Đỗ Minh Đ (Bản sao chứng thực).

- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Minh D và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"V/v*

tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Trần Thị Hồng T cư trú tại số 669, ấp BC, xã BTh, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Đỗ Minh D yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Hồng T.

Xét thấy, anh D và chị T chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"*.

Mặt khác, trong quá trình chung sống anh D và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không có sự hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có sự thống nhất trong cách sinh hoạt hàng ngày, trong việc xây dựng nhà, trong cách sử dụng tài sản chung. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa anh D và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do anh D và chị T không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh D và chị T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Anh D và chị T thống nhất, con chung tên Đỗ Thị Huỳnh N, sinh năm 1995, đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với con chung tên Đỗ Minh Đ, sinh ngày 07/02/2003, sau khi ly hôn anh D yêu cầu nuôi cháu Đ, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, trong quá trình chung sống anh D là người thường xuyên chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ. Mặt khác, anh D hiện nay có mở cơ sở xẻ gỗ việc làm ổn định có thể đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Ngoài ra, theo Bản khai ngày 15/02/2019 của cháu Đỗ Minh Đ, cháu Đ có nguyện vọng sống chung với cha. Do đó, giao con chung cho anh D nuôi dưỡng là đảm bảo cho con chung được sống trong môi trường có sự phát triển cả về vật chất và tinh thần. Cho nên, giao cháu Đỗ Minh Đ cho anh D nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Anh D và chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí: Anh D phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 và Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Minh D.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đỗ Minh D và chị Trần Thị Hồng T.

- Về con chung: Con chung tên Đỗ Thị Huỳnh N, sinh năm 1995, đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Giao chung tên Đỗ Minh Đ, sinh ngày 07/02/2003 cho anh Đỗ Minh D nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh D và chị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh D và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh Đỗ Minh D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số BH/2017/0004589 ngày 14/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, anh D đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Võ Văn Hồng Biên